

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HSST

Ngày: 11/7/2025.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân.

1. Ông Dương Hồng Vinh.
2. Ông Nguyễn Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Lam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Khánh – kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/7/2025 và 11/7/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 T2 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-HS ngày 05/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/HSST-QĐ ngày 03/6/2025 và Thông báo dời lịch xét xử của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (Nay là: Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng) đối với bị cáo:

Nguyễn Quyết T - Tên gọi khác: không; Sinh năm 1999, tại: Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: thôn 9, xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Nay là: thôn 9, xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hóa); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không có; Con ông: Nguyễn Cao H – sinh năm 1960 và bà Trần Thị T – sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 02 người con, nhỏ nhất sinh năm 2007, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 15/11/2024, sau đó thì chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Hàm Thuận Nam. Ngày 27/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm

Thuận Nam ra quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo bằng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị T1– sinh năm: 1986. Địa chỉ: khu phố Lập Nghĩa, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

2/ Bà Đỗ Thị T2– sinh năm: 1982. Địa chỉ: khu phố Lập Nghĩa, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Duy T3– sinh năm: 2006. Địa chỉ: thôn Quảng Phúc, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn kiếm tiền tiêu xài, Nguyễn Quyết T hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại khu vực huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. T cho vay T2 theo hình thức trả góp T2 theo ngày, mỗi ngày trả 6%/khoản tiền vay, trong vòng 21 ngày sẽ trả hết cả gốc và lãi. Khi cho vay, T thu trước tiền phí tương ứng với 6%/khoản tiền vay và 02 ngày trả góp. Cụ thể, đối với khoản vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 300.000 đồng, góp trong 21 ngày với tổng số tiền 6.300.000 đồng thì hết nợ gốc và lãi, khi cho vay T lấy trước 300.000 đồng tiền phí vay tiền và 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng (có nghĩa là T cho vay 5.000.000 đồng nhưng cắt trước tiền phí và 02 ngày tiền góp, chỉ đưa cho người cho vay số tiền 4.100.000 đồng). T cho vay T2 theo hình thức tương tự đối với các khoản vay 10.000.000 đồng và 20.000.000 đồng. Trường hợp người vay muốn đáo hạn khoản vay trước đó và tiếp tục vay khoản khác thì khi cho vay khoản sau, T sẽ tính các ngày còn nợ của khoản vay trước và trừ vào số tiền thực tế giao cho người vay của khoản vay sau.

Với hình thức trên, trong khoản thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 11/2024, T đã nhiều lần cho các bà Lê Thị THU(sinh năm 1986, trú KP. Lập Nghĩa, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam) và bà Đỗ Thị T2 (sinh năm 1982, trú KP. Lập Nghĩa, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam) vay nhiều lần với nhiều khoản vay từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, qua đó Thu lợi bất chính. Quá trình cho vay, T sử dụng tài khoản Zalo tên “MrHuy” và số điện thoại 0963333055 liên lạc và dùng các tài khoản ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) số 050152244875 mang tên Nguyễn Duy T3 (sinh năm 2006, trú thôn Quảng Phúc, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh

Thanh Hóa); tài khoản ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) số 17951721 và tài khoản ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) số 267442657 mang tên Nguyễn Quyết T để thực hiện giao dịch chuyển, nhận tiền với bà THU và T2. Đến ngày 15/11/2024, T bị phát hiện và bắt giữ. (Bút lục số 27-38; 65-454; 463-496)

Tang vật tạm giữ: các ảnh chụp màn hình điện thoại thể hiện các giao dịch chuyển tiền, tin nhắn Zalo giữa T và bà THU, T2 hiện được lưu kèm hồ sơ vụ án. Đối với điện thoại T dùng liên lạc và chuyển tiền cho vay, quá trình điều tra đến nay không thu hồi được.

Quá trình điều tra, căn cứ vào tin nhắn giữa T và bà THU, T2 và các giao dịch chuyển tiền cho vay, trả tiền cùng các biên bản làm việc, đối chiếu số tiền cho vay giữa T và bà THU, bà T2 xác định việc cho vay và Thu lợi bất chính của Nguyễn Quyết T như sau:

Ngày 17/4/2024, Nguyễn Quyết T cho bà Đỗ Thị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng. Trong 21 ngày, mỗi ngày bà T2 phải trả cho T cả gốc và lãi là 300.000 đồng. T thu tiền phí vay là 300.000 đồng và Thu trước 02 ngày là 600.000 đồng. T chỉ đưa cho T2 số tiền 4.100.000 đồng (nếu các khoản vay sau mà T2 chưa trả hết cho T thì T sẽ trừ tiếp các ngày còn lại vào số tiền thực tế mà T đưa cho T2).

Như vậy, lãi suất mà T cho vay là: 451,9%/năm (((300.000 đồng x 21 - 5.000.000 đồng) : 5.000.000 đồng : 21) x 365), lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép T2 theo Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 57.534 đồng.
- Số tiền Thu lợi bất chính (T2 theo thỏa thuận) là: (300.000 x 21 - 5.000.000) đồng + 300.000 đồng - 57.534 đồng = 1.542.500 đồng.

Với cách thức như trên, từ ngày 17/4/2024 đến ngày 10/10/2024, T đã cho bà T2 vay tổng cộng 18 khoản vay với số tiền vay giao động từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ Ngày 17/4/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T chuyển cho T2 3.200.000 đồng, T đưa tiền mặt cho T2 900.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và Thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng.

+ Ngày 02/5/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 03 ngày tiền góp của khoản vay trước là 900.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.200.000 đồng.

+ Ngày 11/5/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 02 ngày tiền góp của khoản vay trước là 600.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.500.000 đồng.

+ Ngày 15/6/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 01 ngày tiền góp của khoản vay trước là 300.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.800.000 đồng.

+ Ngày 27/6/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 03 ngày tiền góp của khoản vay trước là 900.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.200.000 đồng.

+ Ngày 04/7/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 02 ngày tiền góp của khoản vay trước là 600.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.500.000 đồng.

+ Ngày 17/7/2024: T cho chị T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 03 ngày tiền góp của khoản vay trước là 900.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.200.000 đồng.

+ Ngày 22/7/2024, T cho chị T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 03 ngày tiền góp của khoản vay trước là 900.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.200.000 đồng.

+ Ngày 12/8/2024, T cho chị T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng nên T chuyển cho T2 4.100.000 đồng.

+ Ngày 17/8/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 01 ngày tiền góp của khoản vay trước là 300.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.800.000 đồng.

+ Ngày 30/8/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 05 ngày tiền góp của khoản vay trước là 1.500.000 đồng nên T chuyển cho T2 2.600.000 đồng.

+ Ngày 03/9/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 02 ngày tiền góp của khoản vay trước là 600.000 đồng nên T chuyển cho T2 3.500.000 đồng.

+ Ngày 07/9/2024, T cho chị T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng nên T chuyển cho T2 4.100.000 đồng.

+ Ngày 16/9/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 05 ngày tiền góp của khoản vay trước là 1.500.000 đồng nên T chuyển cho T2 2.600.000 đồng.

+ Ngày 19/9/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 06 ngày tiền góp của khoản vay trước là 1.800.000 đồng nên T chuyển cho T2 2.300.000 đồng.

+ Ngày 25/9/2024, T cho T2 vay 10.000.000 đồng, T thu 600.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 1.200.000 đồng, thu 05 ngày tiền góp của khoản vay trước (5.000.000 đồng) là 1.500.000 đồng và trước đó T2 góp bị thiếu 100.000 đồng nên T chuyển cho T2 6.600.000 đồng.

+ Ngày 03/10/2024, T cho T2 vay 5.000.000 đồng, T thu 300.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 600.000 đồng, thu 06 ngày tiền góp của khoản vay trước là 1.800.000 đồng nên T chuyển cho T2 2.300.000 đồng.

+ Ngày 07/10/2024, T chuyển cho T2 2.500.000 đồng là tiền mượn riêng, không lấy lãi, T2 đã trả lại cho T.

+ Ngày 10/10/2024, T cho T2 vay 10.000.000 đồng, T thu 600.000 đồng tiền phí vay và thu trước 02 ngày tiền góp là 1.200.000 đồng, thu 06 ngày tiền góp của khoản vay trước (10.000.000 đồng) là 3.600.000 đồng nên T chuyển cho T2 4.600.000 đồng.

Tổng số tiền T cho bà T2 vay là 100.000.000 đồng, lãi suất là 451,9%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (T2 theo thỏa thuận) là 30.850.000 đồng. Số tiền T đã thu là 114.600.000 đồng. **Số tiền Thu lợi bất chính thực tế đã THU là 27.418.300 đồng.**

Với cách thức như trên, từ ngày 01/4/2024 đến ngày 09/11/2024, T đã cho bà Lê Thị THU vay tổng cộng 45 khoản vay với số tiền vay giao động từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ Ngày 01/4/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.400.000 đồng và đưa cho T1 2.800.000 đồng tiền mặt.

+ Ngày 08/4/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.200.000 đồng và đưa cho T1 3.000.000 đồng tiền mặt.

+ Ngày 19/4/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 23/4/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 26/4/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 03 ngày là 1.800.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.400.000 đồng.

+ Ngày 03/5/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 07/5/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu là 3.900.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.300.000 đồng.

+ Ngày 13/5/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu là 1.900.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.300.000 đồng.

+ Ngày 20/5/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 06 ngày là 3.600.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.600.000 đồng.

+ Ngày 24/5/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 06 ngày là 3.600.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.600.000 đồng.

+ Ngày 03/6/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 03 ngày là 1.800.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.400.000 đồng.

+ Ngày 06/6/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 03 ngày là 1.800.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.400.000 đồng.

+ Ngày 10/6/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 03 ngày là 1.800.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.400.000 đồng.

+ Ngày 14/6/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu là 2.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.000.000 đồng.

+ Ngày 20/6/2024, bị cáo T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, bị cáo T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thuthien còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 22/6/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 26/6/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 01/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 05/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 09/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 06 ngày là 3.600.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.600.000 đồng.

+ Ngày 14/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 06 ngày là 3.600.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.600.000 đồng.

+ Ngày 18/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 20/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 3.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 25/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 08 ngày là 4.800.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 3.400.000 đồng.

+ Ngày 31/7/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 06 ngày là 3.600.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.600.000 đồng.

+ Ngày 8/8/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T chuyển khoản cho T1 số tiền 8.200.000 đồng.

+ Ngày 15/8/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 14 ngày tiền góp đây 10.000.000 đồng là 8.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 8.000.000 đồng.

+ Ngày 19/8/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T THU tiền còn góp thiếu 03 ngày là 1.800.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.400.000 đồng.

+ Ngày 24/8/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T THU tiền còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 28/8/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T THU tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 01/9/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T thu tiền góp còn thiếu 5.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 11.000.000 đồng.

+ Ngày 05/9/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, bị cáo T thu tiền còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 13/9/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 17/9/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T thu tiền góp còn thiếu 6.000.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 10.400.000 đồng.

+ Ngày 21/9/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu là 1.900.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 6.300.000 đồng.

+ Ngày 23/9/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T Thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 01/10/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 06 ngày là 3.600.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.600.000 đồng.

+ Ngày 05/10/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T thu tiền góp còn thiếu 12.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 08/10/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 07 ngày là 4.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 12/10/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu là 1.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 7.000.000 đồng.

+ Ngày 19/10/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T Thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T THU tiền góp còn thiếu 6.600.000 đồng nên bị can T chuyển khoản cho T1 số tiền 9.800.000 đồng.

+ Ngày 25/10/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T thu tiền góp còn thiếu 7.200.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 9.200.000 đồng.

+ Ngày 30/10/2024, T cho T1 vay trả góp 10.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 1.200.000 đồng), tiền phí vay là 600.000 đồng, T thu tiền còn góp thiếu 04 ngày là 2.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 5.800.000 đồng.

+ Ngày 02/11/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T thu tiền góp còn thiếu 13.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Ngày 09/11/2024, T cho T1 vay trả góp 20.000.000 đồng, T thu trước 02 ngày tiền góp (là 2.400.000 đồng), tiền phí vay là 1.200.000 đồng, T thu tiền góp còn thiếu 12.400.000 đồng nên T chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền T cho bà T1 vay là 530.000.000 đồng, lãi suất là 451,9%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (T2 theo thỏa thuận) là 163.505.000 đồng. Số tiền T đã thu là 663.000.000 đồng. ***Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 160.310.000 đồng.***

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền mà Nguyễn Quyết T dùng để cho vay là 630.000.000 đồng, đây là số tiền dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính thực tế mà Nguyễn Quyết T thu được của những người vay là 187.728.300 đồng, trong đó của bà T2 là 27.418.300 đồng, bà T1 là 160.310.000 đồng, cần trả lại cho những người vay.

Đối với số tiền tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép (20%/năm) là 2.809.843 đồng $((663.000.000 + 114.600.000) - (160.310.000 + 27.418.300) - 587.061.857)$, không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền này hiện Nguyễn Quyết T đang giữ.

Đến nay, Nguyễn Quyết T đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính đã thu của bà Lê Thị T1.

Đối với Nguyễn Duy T3 (chủ tài khoản số 050152244875, ngân hàng Sacombank chi nhánh thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận mà Nguyễn Quyết T dùng để chuyển, nhận tiền vay): quá trình điều tra xác định, Nguyễn Duy T3 được Nguyễn Quyết T nhờ mở giùm tài khoản trên vì lí do T không có căn cước công dân. Sau khi mở tài khoản, T là người trực tiếp sử dụng tài khoản để giao dịch, T3 không biết việc T sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng cũng như không nhận được lợi ích gì từ T. Do đó, việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Duy T3 là có căn cứ.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKSHTN-HS ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam (Nay là: Viện kiểm sát khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng) truy tố bị cáo Nguyễn Quyết T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam (Nay là: Viện kiểm sát khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng) giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quyết T như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Quyết T, phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ: khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: bị cáo Nguyễn Quyết T từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 436.400.000 đồng, trong đó T đang giữ 393.461.857 đồng, bà T1 giữ 29.047.619 đồng, bà T2 giữ 13.890.524 đồng.

Buộc Nguyễn Quyết T trả lại số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu của những người vay là 187.728.300 đồng, trong đó của bà T2 là 27.418.300 đồng, bà T1 là 160.310.000 đồng (trong đó T đã trả cho bà T1 30.000.000 đồng, buộc T nộp khoản tiền còn lại).

Buộc Nguyễn Quyết T nộp sung quỹ nhà nước số tiền tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép (20%/năm) là 2.809.843 đồng.

Đối với các ảnh chụp màn hình điện thoại thể hiện các giao dịch chuyển tiền, tin nhắn Zalo giữa T và bà T1, T2 hiện được lưu kèm hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Duy T3 (chủ tài khoản số 050152244875, ngân hàng Sacombank chi nhánh thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận mà Nguyễn Quyết T dùng để chuyển, nhận tiền vay): quá trình điều tra xác định, Nguyễn Duy T3 được Nguyễn Quyết T nhờ mở giùm tài khoản trên vì lí do T không có căn cước công dân. Sau khi mở tài khoản, T là người trực tiếp sử dụng tài khoản để giao dịch, T3 không biết việc T sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng cũng như không nhận được lợi ích gì từ T. Do đó, việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Duy T3 là có căn cứ.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quyết T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T3 hành tố tụng, người T3 hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T3 hành tố tụng, người T3 hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

1.2 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên, không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử T3 hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi và tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quyết T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Nguyễn Quyết T là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn có thể nhận thức được việc cho vay lãi nặng vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật. Nguyễn Quyết T là công dân có đủ trách nhiệm hình sự. Từ tháng 4/2024 đến tháng 11/2024, T nhiều lần cho bà Đỗ Thị T2 vay tổng cộng 18 khoản vay với số tiền vay giao động từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. *Tổng số tiền T cho bà T2 vay là 100.000.000 đồng*, lãi suất là 451,9%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (T2o thỏa thuận) là 30.850.000 đồng. Số tiền T đã thu là 114.600.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 27.418.300 đồng*.

Cũng trong thời gian trên, T nhiều lần cho bà Lê Thị T1 vay tiền tổng cộng 45 khoản vay với số tiền vay giao động từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. *Tổng số tiền T cho bà T1 vay là 530.000.000 đồng*, lãi suất là 451,9%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (T2 theo thỏa thuận) là 163.505.000 đồng. Số tiền T đã thu là 663.000.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 160.310.000 đồng*.

Tổng số tiền T cho vay là 630.000.000 (Sáu trăm ba mươi nghìn) đồng, lãi suất 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (100%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền 187.728.300 (Một trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm) đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quyết T là cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, như nội dung Cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quyết T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và chủ động khắc phục một phần tiền thu lợi bất chính cho người vay. Bị cáo có cha ruột là bệnh binh hạng 2. Gia đình BC có hoàn cảnh khó khăn, Bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Quyết T quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo Nguyễn Quyết T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, tuy nhiên bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật để thực hiện hành vi cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo thể hiện rõ bản chất xem thường pháp luật, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý về tài chính, kinh doanh tiền tệ của

Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết áp dụng hình phạt tù phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với các ảnh chụp màn hình điện thoại thể hiện các giao dịch chuyển tiền, tin nhắn Zalo giữa T và bà T1, T2 hiện được lưu kèm hồ sơ vụ án.

Đối với điện thoại T dùng liên lạc và chuyển tiền cho vay, quá trình điều tra đến nay không thu hồi được – Hội đồng xét xử không xét xem.

[6] Về trách nhiệm pháp tư pháp:

Đối với số tiền mà Nguyễn Quyết T dùng để cho vay là 630.000.000 đồng, đây là tổng số tiền các khoản vay để tính trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ diễn giải việc cho vay tiền xác định số tiền thực tế mà T bỏ ra để thực hiện việc cho vay là 436.400.000 đồng, trong đó T đã thu được số tiền là 393.461.857 đồng, bà T1 giữ 29.047.619 đồng, bà T2 giữ 13.890.524 đồng. Đây là số tiền cần buộc nộp sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính thực tế mà Nguyễn Quyết T thu được của những người vay là 187.728.300 đồng, trong đó của bà T2 là 27.418.300 đồng, bà T1 là 160.310.000 đồng, cần trả lại cho những người vay.

Đối với số tiền tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép (20%/năm) là 2.809.843 đồng $((663.000.000 + 114.600.000) - (160.310.000 + 27.418.300) - 587.061.857)$, không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền này hiện Nguyễn Quyết T đang giữ.

Đến nay, Nguyễn Quyết T đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính đã thu của bà Lê Thị T1.

Đối với số tiền tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép (20%/năm) là 2.809.843 đồng $((663.000.000 + 114.600.000) - (160.310.000 + 27.418.300) - 587.061.857)$, không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền này hiện Nguyễn Quyết T đang giữ - Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo T nộp lại số tiền này sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với Nguyễn Duy T3 (chủ tài khoản số 050152244875, ngân hàng Sacombank chi nhánh thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận mà Nguyễn Quyết T dùng để chuyển, nhận tiền vay): quá trình điều tra xác định, Nguyễn Duy T3 được Nguyễn Quyết T nhờ

mở giùm tài khoản trên vì lí do T không có căn cước công dân. Sau khi mở tài khoản, T là người trực tiếp sử dụng tài khoản để giao dịch, T3 không biết việc T sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng cũng như không nhận được lợi ích gì từ T. Do đó, việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Duy T3 là có căn cứ - Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: bị cáo Nguyễn Quyết T phải chịu án phí T2 theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Quyết T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Quyết T 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2024 đến ngày 27/02/2025.

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ: điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc Nguyễn Quyết T nộp lại số tiền 393.461.857 đồng tịch thu sung quỹ nhà nước.

Buộc bà Lê Thị T1 nộp lại số tiền 29.047.619 đồng tịch thu sung quỹ nhà nước.

Buộc bà Đỗ Thị T2 nộp lại số tiền 13.890.524 đồng tịch thu sung quỹ nhà nước.

Buộc Nguyễn Quyết T trả lại số tiền Thu lợi bất chính thực tế đã thu của những người vay là 187.728.300 đồng, trong đó của bà T2 là 27.418.300 đồng, bà thu là 160.310.000 đồng (trong đó T đã trả cho bà T1 30.000.000 đồng, buộc T nộp khoản tiền còn lại).

Buộc Nguyễn Quyết T nộp sung quỹ nhà nước số tiền tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép (20%/năm) là 2.809.843 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án T2 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quyết T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành